

BIỂU TƯỢNG SÓI TRONG TIỂU THUYẾT TÔ TEM SÓI CỦA KHƯƠNG NHUNG TỪ GÓC NHÌN PHÂN TÂM HỌC

PHẠM TUẤN ANH*
NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG**

Tô tem sói là tác phẩm nổi bật của Khương Nhung - nhà văn đương đại Trung Quốc. Tác phẩm này gợi mở nhiều vấn đề cho nghiên cứu, học thuật, có tính đối thoại về nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Nghiên cứu kiến giải tính đa nghĩa và một số phương thức tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói trong tiểu thuyết Tô tem sói của Khương Nhung. Soi chiếu biểu tượng từ góc nhìn phân tâm học, người viết chỉ rõ tính tô tem của sói - huyền thoại vật tổ của dân tộc Mông Cổ, tính đối thoại về văn hóa - lịch sử giữa văn minh nông canh và văn minh du mục; đồng thời chỉ rõ thành công của Khương Nhung trong việc sử dụng các thủ pháp so sánh, nhân hóa và liên văn bản nhằm tăng hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói.

Từ khóa: biểu tượng, vô thức tập thể, Tô tem sói, Khương Nhung

Nhận bài ngày: 23/12/2022; *đưa vào biên tập:* 28/12/2022; *phản biện:* 14/2/2023; *duyet đăng:* 10/3/2023

1. DẪN NHẬP

Khương Nhung (sinh năm 1952) là nhà văn lớn của văn chương đương đại Trung Quốc. Sáng tác của ông giàu tính tri nghiệm, gợi mở nhiều vấn đề cho nghiên cứu, học thuật. *Tô tem sói* là tiểu thuyết nổi trội của ông, phục dựng cuộc đấu tranh sinh tồn ở thảo nguyên, đặc biệt là sinh tồn giữa người và sói. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của cân bằng sinh thái,

bộc lộ tư tưởng tôn trọng tự nhiên, đồng thời đối thoại về nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử - văn hóa Trung Quốc, từ đó kích thích độc giả luận bàn, suy ngẫm.

Nghiên cứu này tập trung kiến giải biểu tượng có tính chất cốt lõi, đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền tải các thông điệp, ý nghĩa – biểu tượng sói, ở các phương diện sau: tính đa nghĩa và một số phương thức tăng hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói trong tác phẩm.

*, ** Trường Đại học Cần Thơ.

2. NỘI DUNG

2.1. Về khái niệm biểu tượng

Mark O'Connell và Raje Airey cho rằng *biểu tượng* là thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp - *symballein* (tập hợp, hợp nhất), bắt nguồn từ tập quán cổ xưa của người Hy Lạp cổ đại. Thời kỳ cổ đại, họ có tục lệ dùng miếng sành vỡ để làm chứng cho một giao kèo hay thỏa thuận. Biểu tượng cũng có thể là dấu hiệu để người thân nhận ra nhau, ví như cha mẹ nhận ra con cái sau những tháng ngày phân ly, lưu lạc. Giống như trò chơi xếp hình, mỗi bên sẽ ráp các mảnh vỡ này lại sao cho khớp nối với nhau. Các mảnh vỡ đó là dấu hiệu để nhận biết các mảnh còn lại, có liên quan. Mỗi mảnh là đại diện cho mảnh khác/cái khác, ám chỉ cái đã thất lạc hoặc không thể nhìn thấy (dẫn theo Nguyễn Linh Chi, 2018: 28).

Jean Chevalier và Alain Gheerbrant (2002: 23) nhấn mạnh “lịch sử của biểu tượng xác nhận rằng mọi vật đều có thể mang giá trị biểu tượng, dù là vật tự nhiên như đá, kim loại, cây cối, hoa, quả, thú vật, suối sông, đại dương, núi...” và khởi nguyên của biểu tượng có thể “là một vật được cắt làm đôi, mảnh sứ, gỗ hay kim loại”. Biểu tượng là những hình ảnh của sự vật, hiện tượng được hình thành trên cơ sở cảm giác và tri giác về hiện thực đời sống, bao hàm những thứ rõ ràng có thể nắm bắt được và những thứ không rõ ràng, không thể nắm bắt mà chỉ có thể tri kiến, lý giải.

Trong văn học, biểu tượng mở ra nhiều lớp nghĩa trừu tượng, từ đó kích thích độc giả kiến giải, suy ngẫm về văn bản. Simund Freud cho rằng biểu tượng biểu đạt một cách gián tiếp và khó nhận diện cái được biểu trưng. Carl Gustav Jung xem biểu tượng như một dấu hiệu biểu đạt ý nghĩa (Jung, 2022: 133). Biểu tượng trong nghệ thuật không giống với biểu tượng trong đời sống. Biểu tượng trong tác phẩm văn học đa dạng và trừu tượng hơn rất nhiều bởi lẽ nó không bị xơ cứng hóa về mặt biểu đạt. Khi ấy, biểu tượng đóng vai trò là thành tố phái sinh nghĩa cho văn bản. Giải mã biểu tượng, độc giả mở rộng trường nhận thức, khám phá thêm các giá trị về văn hóa - xã hội đang ẩn chìm trong văn bản, từ đó chiếm lĩnh tác phẩm nghệ thuật.

2.2. Tính đa nghĩa của biểu tượng sói trong tiểu thuyết *Tô tem sói*

2.2.1. Biểu tượng tô tem huyền bí của người Mông Cổ

Jean Chevalier và Alain Gheerbrant (2002: 821) cho rằng sói là “biểu tượng của ánh sáng, có tính thái dương, anh hùng chiến trận, tổ tiên huyền thoại”. Sói gọi lên sức mạnh, niềm hăng say trong chiến đấu và sự sinh sản dồi dào. Người Mông Cổ xem sói xanh là tổ tiên huyền thoại của Thành Cát Tư Hãn, là đối tượng sùng bái và mô phỏng.

Trong tiểu thuyết *Tô tem sói*, Khương Nhung đã khéo léo đan dệt bản đại luận về sói – tô tem huyền bí của người Mông Cổ. Đối với người dân

thảo nguyên, sói là vệ thần của thảo nguyên, đóng vai trò điều tiết, cân bằng sinh thái. Người dân Mông Cổ phân biệt, nhận thức rất rạch ròi, đúng đắn về mối quan hệ cộng sinh, tương hỗ giữa “sinh mạng lớn” và “sinh mạng nhỏ”. Theo đó, đồng cỏ được ví như là “sinh mạng lớn” và các sinh vật còn lại được ví như là “sinh mạng nhỏ” của thảo nguyên. Bảo vệ đồng cỏ đồng nghĩa với việc bảo vệ thảo nguyên và người dân ở thảo nguyên. Khi Trần Trần hỏi về vai trò của sói, ông Pilich nhận định: “Trời là cha, đồng cỏ là mẹ. Sói ăn thịt những sinh vật làm hại đồng cỏ, trời không bảo vệ sói sao được?” (Khương Nhung, 2020: 24). Trước nhất, sói diệt bớt số lượng dê vàng, giúp bảo vệ đồng cỏ. Bầy dê vàng có tập tính nhanh nhẹn, thường từ Ngoại Mông tràn vào Nội Mông với số lượng lớn, ăn sạch đồng cỏ. Không có sói, đồng cỏ bị tận diệt, cừu mẹ không có cỏ để ăn, con non không có sữa để bú. Tiếp đến, sói giúp giảm bớt số lượng thỏ - loài vật mắn đẻ, giỏi đào hang và ăn nhiều cỏ. Pilich (Khương Nhung, 2020: 129) kể rằng ở nước Úc, đồng cỏ rộng lớn nhưng không có sói, người dân nhập thỏ về nuôi, sau một số con chạy lạc ra đồng. Chúng sinh sản nhanh chóng dẫn đến số lượng thỏ hoang ngày một tăng, mất kiểm soát, làm cho nông nghiệp bị tổn thất trầm trọng vì quá nửa cỏ chăn nuôi bị ăn sạch. Thứ đến, sói diệt chuột trên thảo nguyên - loài vật rất mắn đẻ, chuộng đào hang và gặm nhấm cỏ. Không có sói, thảo nguyên nhanh chóng bị chuột

đùn cát, dẫn đến hoang tàn, đầy rẫy hang hốc. Hơn nữa, sói giúp diệt trừ rái cá - loài vật mắn đẻ, mỗi lứa sinh sáu bảy con, ưa thích đùn cát, làm chết rất nhiều cỏ. Rái cá ăn rất nhiều cỏ, lại rất tinh ranh, nghe động liền lẩn trốn vào hang. Hằng năm, có rất nhiều ngựa và mã quan bị chấn thương, thậm chí gãy chân vì sụp hang rái cá. Pilich cho rằng “Thảo nguyên có bốn đại họa: Chuột, thỏ đồng, rái cá cạn và dê vàng” (Khương Nhung, 2020: 55) và nhờ có sói, các đại họa này được kiểm tỏa, sinh mạng lớn được bảo vệ. Do vậy, sói xứng đáng là vệ binh của người dân Mông Cổ và thảo nguyên.

Trong tâm thức, người Mông Cổ tin rằng nhờ có sói mà linh hồn của người chết được lên Trời. Ở Ôlôn, người chết được cởi bỏ quần áo, cuộn lại bằng thảm rồi dựng đứng trên cỗ xe bò để đưa đến bãi thiên táng. Theo tục lệ, xác người mất rơi tại điểm nào thì chỗ ấy chính là điểm thiên táng. Tại nơi ấy, dân thảo nguyên mở thảm, đặt người chết trên bãi cỏ, chờ sói đến dẫn lối vào “lòng mẹ”: “Từ lúc này trở đi, người chết thuộc về sói, về Thần linh [...] Nếu sau ba ngày, cái xác chỉ còn lại ít xương thì có nghĩa là người chết đã lên Trời; nếu sau ba ngày, xác người chết vẫn còn nguyên thì đúng là thảm họa” (Khương Nhung, 2020: 56). Sói là thang linh hồn của dân thảo nguyên, giúp cho họ trở về với Trời. Thuận theo logic của thảo nguyên, Pilich bộc bạch: “Ăn thịt thì phải trả bằng thịt [...] Người thảo nguyên suốt đời ăn thịt,

sát hại không biết bao nhiêu là sinh mạng, tội to đấy! Vì vậy khi chết con người trả lại thịt cho thảo nguyên mới công bằng, linh hồn không đau khổ trên thiên đường” (Khuông Nhung, 2020: 107). Tục thiên táng của dân Mông Cổ gọi nhắc đến tục thiên táng (điều táng) của người dân Tây Tạng - người chết hiến dâng thi thể, linh hồn được giải thoát và tái sinh.

Người dân Mông Cổ tin rằng sói là “thầy” của mình về mọi mặt - chiến thuật quân sự, tinh thần tự do, tính kỷ luật, cạnh tranh... Yêu chuộng tự do chính là bản tính của sói, đồng thời cũng là đặc điểm tính cách của người dân Mông Cổ. Người dân thảo nguyên có thể bắt sói, giết sói nhưng không thể thuần hóa được sói. Khi bị bắt, sói vẫn háu ăn như thường, thậm chí “ăn càng khỏe, ngủ càng đẫy” (Khuông Nhung, 2020: 184) để dưỡng sức, hòng tẩu thoát, giành lấy tự do nếu có cơ hội. Trần Trận, anh thanh niên đến Nội Mông lao động, bất ngờ về tinh thần tự do của sói con - thà chết chứ không chịu sự kìm ép: “Sói con thà bị siết cổ chết mà không chịu dắt theo xe bò khi chuyển nhà”, “Gấu, hổ, sư tử, voi có thể tròng dây vào cổ mà dắt, còn sói thảo nguyên Mông Cổ thì không” (Khuông Nhung, 2020: 435). Sói con, vốn bị bắt từ nhỏ, chưa từng được sói mẹ dạy dỗ, cũng sẵn có bản năng yêu chuộng tự do. Điều này góp phần lý giải vì sao sói lại được dân thảo nguyên nể phục: “Sói thảo nguyên, tô tem tinh thần của các dân tộc quật cường trên thảo nguyên ngàn

vạn năm, có một sức mạnh tinh thần khiến con người cảm thấy hổ thẹn và ngưỡng mộ” (Khuông Nhung, 2020: 438). Trong tâm thức của người Mông Cổ, sói là “thầy” về việc ứng phó với hoàn cảnh, về kỹ thuật, chiến lược quân sự. Nhân đêm có bạch mao phong, sói tập kích đàn ngựa, báo thù bằng cuộc tàn sát đẫm máu. Chiến lược tinh khôn của bầy sói làm cho Trương Kế Nguyên vô cùng thán phục: “Thế mới gọi là chiến thuật bầy đàn, xuất kích toàn diện, bốn phía nở hoa, giương đông kích tây, yểm hộ lẫn nhau, đánh dứ cộng với đánh thật, đánh được thì đánh, không đánh được thì kiềm chế, khiến đối phương đầu đuôi không cứu được nhau” (Khuông Nhung, 2020: 333). Người dân cho rằng quân Mông Cổ đã học “binh pháp” từ sói, thậm chí được hun đúc, tôi luyện cả tinh thần đồng đội, ý thức kỷ luật, dũng cảm trong tác chiến. Hơn nữa, người dân thảo nguyên còn tin rằng sói là “thầy” của ngựa Mông Cổ. Nhờ có sói, ngựa Mông Cổ được tôi luyện hàng ngày, hàng giờ, nhờ vậy chúng luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu, nhanh nhẹn, sẵn sàng ứng phó với tình huống.

2.2.2. Biểu tượng đối thoại về lịch sử, văn hóa

Khuông Nhung cho rằng văn hóa Trung Quốc có sự giao thoa, hòa trộn giữa văn minh du mục và văn minh nông canh, mỗi loại đều có đặc điểm riêng biệt, thậm chí có biểu tượng riêng. Ông cho rằng văn minh Hoa Hạ thiên về văn minh nông canh, khiếm

khuyết ở chỗ không có cạnh tranh khốc liệt để sinh tồn giống như văn minh du mục. Người Hoa Hạ sống trong lãnh thổ rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Gắn liền với lối sống nông canh, tính cách của người Hoa Hạ cũng bị ảnh hưởng, chi phối.

Trong *Tô tem sói*, sói là biểu tượng cho các đặc điểm của văn minh du mục – vốn có sự tương giao, đối thoại với văn minh nông canh. Trần Trạn cho rằng “tính cừu” trở thành quốc dân tính của dân tộc Hoa Hạ. Đây chính là yếu điểm của dân Hoa Hạ, vốn mang “văn minh cừu” nên nhiều lần thất bại trước dân tộc mang “văn minh sói”. Trần Trạn cho rằng sói có mối liên hệ mật thiết quyết định sự thành bại trong các cuộc viễn chinh của quân Mông Cổ: “[...] nếu không có sói thì vấn đề tại sao Thành Cát Tư Hãn với đội quân Mông Cổ ít ỏi lại có thể tung hoành khắp Á sang Âu, diệt mấy chục vạn thiết kỵ Tây Hạ, một triệu quân nhà Kim, hơn một triệu thủy quân và kỵ binh Nam Tống, chiếm Trung Á, Hungari, Ba Lan, Nga, Iran, Ấn Độ...” (Khương Nhung, 2020: 84) mãi vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Qua thực tiễn chiến trận, con người và sói đã rút ra những kinh nghiệm, bài học quý báu ví như biết mình biết người, binh quý thần tốc, ra quân bất ngờ... Việc dẫn đến diễn trình thịnh – suy của các triều đại phong kiến, Khương Nhung đối thoại với độc giả về vấn đề “thay máu”, “tiếp máu”; mạnh dạn chỉ ra các yếu điểm trong tinh thần dân

tộc Trung Quốc. Dù cách luận giải ở một số chỗ vẫn chưa thực sự thuyết phục, tiêu biểu ở quan điểm “tô tem sói và tô tem rồng chỉ ít có bảy điểm giống nhau”; “tô tem rồng và tô tem sói Trung Hoa có thể có quan hệ máu thịt không thể chia lìa” (Khương Nhung, 2020: 558), nhưng Khương Nhung cũng thể hiện rõ tư tưởng cởi mở, thẳng thắn trong việc giao lưu, tiếp biến văn hóa. Ông cho rằng cần phải chất lọc, lựa chọn và dung hòa các giá trị văn hóa để bồi đắp tinh thần dân tộc.

Trong *Tô tem sói*, sói/sói mẹ còn là biểu tượng về tinh mẫu tử thiêng liêng, gợi nhắc cổ mẫu Mẹ (Mother archetype) trong tâm thức nhân loại. Carl Gustav Jung cho rằng cổ mẫu là những yếu tố cấu trúc của tâm thần con người, được ẩn giấu trong vô thức tập thể. Jung quan niệm cổ mẫu chính là những hình ảnh nguyên thủy, là “vết tích” cổ xưa. Trong *Thăm dò tiềm thức*, ông viết: “Chúng xuất hiện vào bất cứ thời nào, bất cứ ở đâu trên khắp thế giới, cả ở những nơi không thể căn cứ vào sự di truyền từ đời này sang đời khác hay vào sự pha giống nhân những vụ di dân trong lịch sử để cắt nghĩa sự có mặt ấy” (Jung, 2022: 98).

Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier và Alain Gheerbrant (2002: 588) cho rằng: “Người mẹ là dạng thức đầu tiên của anima mà mỗi cá thể con người sở nghiệm, tức là cái vô thức. Cái vô thức có hai mặt, một mặt xây dựng, một mặt phá hoại”. Ở vùng Nội Mông,

người dân truyền tụng vô số các truyện kể về việc sói mẹ bảo vệ sói con, vốn là niềm tự hào của dân du mục về đặc tính thiêng liêng của sói - Tô tem huyền bí của dân tộc. Để dạy sói non săn mồi, sói mẹ mạo hiểm rình bắt cừu non mang về. Hằng đêm, sói mẹ khó nhọc chuyển sói con từ hang này sang hang khác để bảo vệ chúng. Thậm chí, nhiều khi sói mẹ ăn no tưởng như sắp vỡ bụng để khi về nôn ra cho sói con ăn. Những việc làm này rất vất vả và nguy hiểm bởi lẽ sói mẹ sẽ khó thoát thân nếu chẳng may bị con người săn đuổi. Hình tượng sói mẹ trong *Tô tem sói* gợi nhắc đến cổ mẫu Mẹ trong văn hóa cộng đồng, vốn tồn tại từ xa xưa, dưới nhiều dạng trên thế giới. Người Ai Cập có nữ thần bầu trời (Nut) ví như Mẹ che chở, ôm ấp và bảo vệ con người. Người Hy Lạp có nữ thần Gaia (Đất Mẹ) và nữ thần Demeter (Nông nghiệp, mùa màng) ví như những bà mẹ sinh dưỡng của con người... Trong tâm thức tập thể, nuôi dưỡng và che chở cho con chính là đặc điểm của cổ mẫu Mẹ. Mẹ là nguồn sống, đem lại năng lượng sống cho con, cho mọi người. Mẹ tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở và phát triển. Sức sống chính là bản nguyên tinh thần của mẫu gốc Mẹ.

2.3. Một số kỹ thuật tăng hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói

2.3.1. Sử dụng thủ pháp so sánh, nhân hóa

Sói là biểu tượng trung tâm trong hệ thống biểu tượng của tiểu thuyết *Tô*

tem sói. Rõ ràng, Khương Nhung rất dụng công trong việc sử dụng, đan cài nhiều phương thức nghệ thuật, trong đó thủ pháp so sánh, nhân hóa được tận dụng triệt để nhằm tăng hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói.

Trong tiểu thuyết *Tô tem sói*, dân du mục rất sùng bái và mô phỏng sói bởi lẽ “người không bằng sói” (Khương Nhung, 2020: 125). Các bộ phận mắt, mũi, răng của sói đều tinh hơn các bộ phận của con người. Ông Pilich nhận định: “Nếu mình dùng ống nhòm quan sát sói từ xa, có khi nhìn thấy con sói cũng đang nhìn mình không chớp. Ngoài sự tinh tường về thị giác, khứu giác của sói cũng khá nhạy bén, thậm chí nhạy bén hơn cả chó. Chỉ chút hơi người cũng khó bẫy được sói: “Sói thính mũi hơn chó, hơi có mùi gỉ sắt là biết liền” (Khương Nhung, 2020: 105). Muốn bẫy được sói, dân thảo nguyên phải luộc một nồi thịt ngựa, sau lấy nước luộc bẫy để khử mùi gỉ sắt, thậm chí phải trộn thêm mỡ ngựa, rắc phân ngựa khô lên trên. Răng sói cũng sắc nhọn, rắn hơn răng người: “Dùng ngón tay thử răng sói con, thấy độ sắc của chúng hơn cả mũi dùi đột để giày, men răng sói rắn hơn men răng người” (Khương Nhung, 2020: 366). Rõ ràng, sói là đối thủ đáng gờm của người dân thảo nguyên. Sinh tồn cùng sói, dân du mục phải cẩn trọng dè chừng, quan sát sói trong thế đối trọng, phóng chiếu lẫn nhau. Về đánh trận và chiến lược, sói tinh khôn hơn người. Trần Trận đã từng chứng kiến bầy sói khép vòng vây, tung đòn chí

từ để tàn sát bầy dê vàng. Chúng vây cả ba mặt Đông, Bắc, Tây, dành lại mặt Nam cho đàn dê tháo chạy. Phía ấy có một cái dốc, sau dốc là hồ tuyết khổng lồ - bầy tự nhiên mà sói đã giăng ra dành cho bầy dê vàng. Ông già Pilich nhận định: “Đánh trận thì sói thông minh hơn người. Người Mông Cổ săn bắt, bủa vây, đánh trận đều học từ sói” (Khuông Nhung, 2020: 27). Khi bủa vây, đàn sói rất thận trọng, di chuyển nhẹ nhàng, khi cần thì tung đòn chớp nhoáng để kết liễu con mồi. Sói biết tận dụng ngoại giới để tổ chức vây ráp, săn bắt: “Về mặt lợi dụng thời tiết và địa hình thì sói hơn người nhiều” (Khuông Nhung, 2020: 207). Lợi dụng bạch mao phong và đầm lầy, sói phục kích bầy ngựa của các mã quan, khiến họ vừa cảm giận, vừa thán phục. So sánh với sói, Ulichit tự nhận không bằng: “Chiến lược, chiến thuật của đàn sói này còn hay hơn cả bọn phỉ họ Mã năm xưa [...]. Nếu tôi thông minh hơn sói một chút thì con ngựa này không chết” (Khuông Nhung, 2020: 77). Không chỉ giỏi mai phục kẻ địch, sói còn là bậc thầy trong việc rút lui, tháo chạy. Sợ tiếng nổ và mùi thuốc súng, sói đào rất nhiều hang, miệng hang liền kề với dốc chạy thẳng ra nơi khác. Quả cảm và yêu chuộng tự do, sói “chiến đấu” đến hơi thở cuối cùng, nhất quyết không khuất phục. Hai năm đối mặt với sói, Trần Trận cảm khái, ngợi ca sói: “So với những người gan dạ nhất, sói còn gan dạ hơn” (Khuông Nhung, 2020: 322).

Ngoài thủ pháp so sánh, Khuông Nhung khéo léo sử dụng thủ pháp nhân hóa nhằm tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói. Thảo nguyên được ví như bà mẹ của con người và sinh vật nơi này: “Cậu cảm thấy cuộc cạnh tranh tàn khốc giữa người và sói trên vũ đài thảo nguyên, cuối cùng chuyển hóa thành tình cảm ấm áp cho mẹ thảo nguyên” (Khuông Nhung, 2020: 197). Trong vòng tay của bà mẹ thảo nguyên ấy, hằng hà sa số các sinh vật đang sống trong mối quan hệ hữu cơ, cộng sinh với nhau, mỗi sinh vật đều là mắt xích trong chuỗi sinh – diệt của trời đất. Săn bắt sói nhưng sùng bái sói, xem sói như “thầy”, ông già Pilich gọi sói bằng “lão”: “Đó là người và chó đánh động nhiều quá trước khi bủa vây, lão sói trắng dẫn quân chuồn trước” (Khuông Nhung, 2020: 177). Qua lời của ông già Pilich, sói là sinh vật lão luyện, giàu kinh nghiệm, xứng đáng là đối thủ của con người trong công cuộc sinh tồn ở thảo nguyên. Sống chung với sói, Trần Trận cảm thấy vô cùng hạnh phúc, ấm cúng như những người chung một gia đình: “Trần Trận cảm thấy cậu như một ông bố độc thân nhưng có rất nhiều con. Đứng trước những đứa con trai con gái, cậu không biết nên như thế nào để chiếu cố đứa này mà không tủi thân đứa khác” (Khuông Nhung, 2020: 195).

Trong *Tô tem sói*, biểu tượng sói chủ yếu được tạo dựng thông qua lời kể hoặc lời đối đáp của các nhân vật. Qua ngôn ngữ của họ khi bàn về sói, độc giả hình dung được bức chân dung về sói với những đặc điểm tính

cách, nhân dạng giống như con người, gợi mở nhiều khía cạnh để suy ngẫm, chiêm nghiệm. Sử dụng thủ pháp nhân hóa, Khương Nhung phác họa thành công biểu tượng sói – tô tem vừa gần gũi, vừa huyền bí của người dân Mông Cổ.

2.3.2. Sử dụng thủ pháp liên văn bản

Julia Kristeva, nhà phân tâm học, phê bình văn học, được xem là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “tính liên văn bản” (intertextuality) vào nửa cuối thế kỷ XX. Trong *Giáo trình lý thuyết liên văn bản*, Nguyễn Văn Thuán (2019: 102) nhận định: “[...] Kristeva đề xuất ba chiều kích (hay ba sự phối hợp) có tính đối thoại gồm chủ thể viết (writing subject), người nhận (addressee) và ngữ cảnh (context). Vị trí của các từ/văn bản được xác định trên hệ tọa độ gồm trục ngang và trục dọc. Trục ngang biểu thị việc từ/văn bản phụ thuộc vào mối quan hệ giữa chủ thể viết và người nhận. Trục dọc biểu thị rằng từ/văn bản được định hướng đối thoại với tập hợp văn học/văn bản trước đó hay đồng thời”. Như vậy, mọi

văn bản đều có sự kết nối, giao thoa với các văn bản khác hoặc với diễn ngôn văn hóa - xã hội.

Tiểu thuyết *Tô tem sói* của Khương Nhung có kết cấu chia làm 37 phần, gồm 35 phần có đánh số và hai phần cuối không đánh số – *Vĩ thanh* và *Khai quật bằng lý tính*. Mở đầu mỗi phần, Khương Nhung đều viết các lời đề từ (41 lời đề từ/35 phần), chủ yếu là trích dẫn từ các huyền thoại cổ xưa. Thời gian nghệ thuật trong tác phẩm chủ yếu vận động theo mạch thời gian tuyến tính. Rõ ràng, tiểu thuyết *Tô tem sói* của Khương Nhung ít nhiều ảnh hưởng từ kết cấu của tiểu thuyết chương hồi, song vẫn có điểm mới, sáng tạo. Thay vì mở đầu bằng các cặp đối ngẫu như trong tiểu thuyết chương hồi, Khương Nhung khéo léo trích dẫn các nhận định hoặc các huyền thoại trong các cổ thư để làm nổi bật tính chất tô tem của sói. Do vậy, 41 lời đề từ ấy góp phần đan bện, dệt thành các lớp trầm tích văn hóa - lịch sử, tạo nên sự vang vọng, đối thoại của nhiều tiếng nói, cả hữu thức và vô thức.

Bảng 1. Một số trích dẫn trong các lời đề từ

TT	Nội dung trích dẫn	Nguồn trích dẫn (dựa trên chú dẫn của Khương Nhung)
1	“Tộc Khuyển Nhung tự nhận tổ tiên của họ là hai con chó trắng, tô tem của họ là chó” (Khương Nhung, 2020: 17).	Phạm Văn Lan. <i>Trung Quốc thông sử giản biên</i> . Tập I
2	“Thuyền Vu (Hung Nô) sinh hai con gái nhan sắc tuyệt trần [...] Người em không nghe, xuống chòi làm vợ sói, sinh con. Sau sinh sôi nảy nở thành một nước” (Khương Nhung, 2020: 17).	<i>Chu thư. Nhu nhu Hung Nô đồ hướng Cao Xa liệt truyện</i>

3	“Đột Quyết là một tộc khác Hung Nô [...] Sói cái ẩn trong hang, sau đó sinh mười con trai” (Khương Nhung, 2020: 44).	<i>Chu thư. Đột Quyết</i>
4	“Xưa, ông tổ người triều Nguyên là con trai của một cặp mà chồng là sói xám, vợ là hươu trắng” (Khương Nhung, 2020: 115).	Trích dẫn Dự Đại Quân dịch chú <i>Mông Cổ bí sử</i>
5	“Sói xám là khẩu lệnh của quân ta” (Khương Nhung, 2020: 90).	<i>Sử thi Uhu Khan. Hàn Nho Lâm trích dẫn từ <i>Cùng Lô tập</i></i>

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tác phẩm *Tô tem sói*.

Không chỉ ở các đề từ, thủ pháp liên văn bản còn được sử dụng, lồng ghép trong nội dung của các phần nhằm làm nổi bật biểu tượng, tính chất tô tem của sói. Trước khi trích dẫn, Khương Nhung thường mở đầu bằng các cụm từ “theo cứ liệu lịch sử”, “lịch sử đã chứng minh”, “theo lịch sử ghi chép”: “Theo cứ liệu lịch sử, dân tộc Nhung Địch tự kể về tổ tiên là hai chó trắng và coi dân tộc du mục cổ xưa nhất ở Tây Bắc tô tem chó trắng, thuộc tộc Tây Khương, là thân cận với tổ tiên tộc Viêm Hoàng” (Khương Nhung, 2020: 509). Khương Nhung cho rằng tục thờ tô tem sói đã có từ lâu đời, gắn liền với các bộ tộc du mục, có sức sống mạnh mẽ và chưa bao giờ đứt đoạn. Tận dụng triệt để thủ pháp liên văn bản, biểu tượng sói - tô tem của người Mông Cổ - đã được nhà văn phục dựng một cách khéo léo, gợi mở nhiều vấn đề có tính đối thoại về lịch sử - văn hóa giữa các quốc gia có nguồn gốc nông canh và du mục.

3. KẾT LUẬN

Tô tem sói là tiểu thuyết đặc sắc trong sáng tác của Khương Nhung. Qua

biểu tượng sói, Khương Nhung mở rộng chiều kích của hiện thực, lồng ghép nhiều vỉa tầng giá trị, đối thoại với độc giả về lịch sử - văn hóa của Mông Cổ và Trung Hoa. Một mặt, sói là biểu tượng cho huyền thoại vật tổ của người Mông Cổ; mặt khác, sói là biểu tượng gợi dẫn có tính đối thoại giữa văn minh nông canh và văn minh du mục. Khương Nhung dụng công trong việc sử dụng thủ pháp so sánh, nhân hóa và liên văn bản nhằm tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho biểu tượng sói trong tác phẩm, từ đó bộc lộ tư tưởng, quan điểm về vấn đề tiếp nhận, dung hòa các giá trị văn hóa.

Khương Nhung có cái nhìn đa diện về cuộc đời và tái hiện thành công trong tác phẩm *Tô tem sói*. Ông gợi mở nhiều khía cạnh, kích thích độc giả suy ngẫm, đối thoại về nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Tác phẩm đòi hỏi độc giả vận dụng kinh nghiệm thẩm mỹ, năng lực cảm thụ, đọc hiểu để giải mã bởi những thông điệp nghệ thuật, nhân sinh không hiển lộ rõ ràng trên bề mặt văn bản. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chevalier, Jean và Gheerbrant, Alain. 2002. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (Phạm Vĩnh Cư và các cộng sự dịch). Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
2. Nguyễn Linh Chi. 2018. *Mã văn hóa trong tác phẩm của James Joyce*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Freud, Sigmund. 2020. *Vật tổ và cấm kỵ* (Đoàn Văn Chúc dịch). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
4. Jung, Carl Gustav. 2022. *Thăm dò tiềm thức* (Vũ Đình Lưu dịch). Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Khương Nhung. 2020. *Tô tem sói* (Trần Đình Hiến dịch). Hà Nội: Nxb. Công an Nhân dân.
6. Nguyễn Văn Thuận. 2019. *Giáo trình lý thuyết liên văn bản*. Huế: Nxb. Đại học Sư phạm Huế.